

ĐỔI MỚI KINH TẾ - XÃ HỘI Ở VIỆT NAM (1986-2000) - MỘT CÁI NHÌN TỔNG QUAN

PHẠM XUÂN NAM

1. Từ gần 15 năm nay, Việt Nam đang trong quá trình đổi mới để phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập với thế giới.

Quá trình đó được bắt đầu vào lúc tình hình kinh tế - xã hội của đất nước gần như đã rơi đến "đáy" của cuộc khủng hoảng:

Sản xuất nông nghiệp trì trệ, nạn thiếu lương thực diễn ra triền miên. Sản xuất công nghiệp, theo thống kê, tuy vẫn tăng về giá trị, nhưng thật ra đại đa số nhà máy, xí nghiệp ở trong tình trạng "lời giả, lỗ thật" vì được Nhà nước bao cấp tràn lan. Lưu thông, phân phối ách tắc. Lạm phát đạt đến tốc độ "phi mã" với chỉ số tăng giá bán lẻ năm 1986 là 774,7%¹.

Tất cả những điều nói trên, cộng với những hậu quả nặng nề chưa giải quyết xong của hơn 30 năm chiến tranh ác liệt, đã khiến cho đời sống của các tầng lớp nhân dân sa sút nghiêm trọng. Ở thành thị, lương tháng của công nhân, viên chức không đủ chi tiêu cho các nhu cầu thiết yếu của cuộc sống. Ở nông thôn, vào lúc giáp hạt có tới hàng mấy triệu người thiếu ăn. Tiêu cực xã hội lan rộng. Lòng dân không yên.

Tình hình diễn biến đến mức, vào khoảng từ cuối 1985 đến cuối 1986, nghĩa là sau thất bại của cuộc tổng điều chỉnh giá - lương - tiền, đại đa số quần chúng nhân dân thấy không thể tiếp tục sống như cũ được nữa; đồng thời, các cơ quan lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước cũng thấy không thể tiếp tục duy trì những chủ trương, chính sách đã lỗi thời.

Với phương châm "*nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật*"², Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (12.1986) đã nghiêm khắc tự phê bình về những chủ trương, chính sách sai lầm mang nặng tính giáo điều, chủ quan, duy ý chí trong cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trước đây, đồng thời đề ra đường lối đổi mới toàn diện nhằm đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng, đi vào thế ổn định và phát triển.

¹ Tổng cục Thống kê: *Niên giám thống kê 1992*. Nxb Thống kê. Hà Nội-1993. Tr. 187.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*. Nxb Sự thật. Hà Nội-1987. Tr.12.

Nhưng khi công cuộc đổi mới vừa thực hiện được mấy năm thì trên thế giới đã liên tiếp xảy ra những biến động lớn với sự sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và sự tan rã của Liên Xô, gây tác động tiêu cực đến tình hình nước ta. Trong một thời gian dài, khoảng 80% tổng kim ngạch nhập khẩu và 60% tổng kim ngạch xuất khẩu của nước ta có quan hệ với các nước nói trên. Vì thế, có thể hình dung nền kinh tế Việt Nam đã đứng trước một thử thách ghê gớm như thế nào khi quan hệ thương mại cùng nhiều chương trình hợp tác liên doanh với các nước đó bị đảo lộn nghiêm trọng. Thêm vào đó, Mỹ vẫn kéo dài chính sách cấm vận về kinh tế và thương mại chống Việt Nam (cho đến đầu 1994), gây khó khăn không nhỏ cho sự phát triển bình thường của nước ta.

2. Đặt Việt Nam vào bối cảnh của tình hình trong nước và quốc tế nêu trên, nhiều người - kể cả những người có thiện chí - đều rất băn khoăn, lo lắng: liệu Việt Nam có khả năng đứng vững và vượt qua được những khó khăn và thử thách to lớn đó không?

Nhưng chính trong khó khăn, nhiều sáng tạo của nhân dân đã xuất hiện từ cơ sở. Chính trong thử thách, trí tuệ của những nhà hoạch định chính sách quốc gia và các nhà khoa học đã được khơi dậy.

Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm của quần chúng, đồng thời đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, Đại hội VII (6.1991), rồi Đại hội VIII (6.1996) của Đảng và những hội nghị Ban Chấp hành Trung ương giữa các kỳ đại hội đã không ngừng tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh đường lối đổi mới toàn diện đất nước do Đại hội VI khởi xướng. Với chức năng của mình, Quốc hội và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã lần lượt thể chế hóa các quan điểm chỉ đạo của Đảng thành hệ thống pháp luật, chính sách, kế hoạch, chương trình, dự án cụ thể để đưa vào cuộc sống.

Nhìn một cách tổng thể, đường lối, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước ta bao gồm rất nhiều nội dung phong phú, trong đó có những nội dung cơ bản sau:

- *Một là*, chuyển nền kinh tế từ mô hình kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp, dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất với hai hình thức quốc doanh và tập thể là chủ yếu, sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- *Hai là*, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường; đặt con người vào vị trí trung tâm của mọi chủ trương, chính sách và kế hoạch phát triển.

- *Ba là*, thực hiện dân chủ hóa đời sống xã hội, từng bước xây dựng một nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân.

- *Bốn là*, mở cửa tăng cường giao lưu, hợp tác với bên ngoài theo tinh thần "Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển"³.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*. Nxb Sự thật. Hà Nội-1991. Tr.147.

Trong quá trình tổ chức thực hiện các nội dung trên, Đảng và Nhà nước ta đã chủ trương lấy đổi mới kinh tế làm nhiệm vụ trung tâm, đồng thời coi trọng đổi mới chính trị, xã hội, văn hóa với những bước đi và hình thức phù hợp.

Không áp dụng "biện pháp sốc" theo một đơn thuốc sẵn có nào đó, đổi mới kinh tế ở Việt Nam diễn ra theo phương thức "vừa thử nghiệm vừa điều chỉnh"; vừa chú ý tổng kết những kinh nghiệm sáng tạo của nhân dân trong nước, vừa đẩy mạnh nghiên cứu lý thuyết và tham khảo kinh nghiệm của nước ngoài; vừa kiên quyết sửa chữa những khuyết điểm, sai lầm của cơ chế quản lý cũ vừa không phủ nhận "sạch trơn" mà biết kế thừa và phát huy những thành quả của quá trình xây dựng đất nước mấy chục năm qua.

Nhờ vậy, quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường ở Việt Nam đã không gây đảo lộn về xã hội hoặc đổ vỡ về chính trị như ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô trước đây. Chính sự ổn định về chính trị và xã hội là điều kiện hết sức quan trọng cho việc triển khai và đẩy tới công cuộc đổi mới về kinh tế. Ngược lại, những kết quả về đổi mới kinh tế, được nhân dân hoan nghênh, lại là nhân tố rất cần thiết để tiến hành đổi mới về hệ thống chính trị theo hướng tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

3. Kết quả là sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa quan trọng về nhiều mặt, mà ở đây chúng tôi chỉ tập trung trình bày về hai lĩnh vực kinh tế và xã hội.

a. Trên lĩnh vực phát triển kinh tế

Đổi mới trong nông nghiệp là khâu đột phá. Việc chuyển từ chủ trương tập thể hóa toàn bộ (lao động, ruộng đất và các tư liệu sản xuất khác) sang chính sách thừa nhận hộ gia đình nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ, được sử dụng ruộng đất ổn định lâu dài, được tự do bán sản phẩm trên thị trường, được hỗ trợ về vốn, được hướng dẫn, giúp đỡ áp dụng các tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào sản xuất... đã có tác động khơi dậy những tiềm năng to lớn của hơn 12 triệu hộ gia đình nông dân để không ngừng đẩy mạnh sản xuất phát triển. Sản lượng lương thực của cả nước đã tăng từ 17,5 triệu tấn năm 1987 lên 34,3 triệu tấn năm 1999, tức tăng gần gấp đôi sau 13 năm. Từ chỗ trung bình mỗi năm phải nhập khẩu trên dưới 1 triệu tấn lương thực trong thời kỳ trước đổi mới, đến năm 1989 Việt Nam đã bắt đầu xuất khẩu được 1,4 triệu tấn gạo và năm 1999 lượng xuất khẩu đó đã tăng lên 4,5 triệu tấn, đứng thứ hai trên thế giới về xuất khẩu mặt hàng này, sau Thái Lan.

Trong công nghiệp: Nhà nước đã dần dần xóa bỏ bao cấp tràn lan đối với các xí nghiệp quốc doanh, buộc các xí nghiệp này phải vay vốn ngân hàng để tiếp tục hoạt động theo hướng gắn sản xuất với thị trường trong và ngoài nước, từng bước đổi mới thiết bị và công nghệ, cải tiến quản lý, nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm làm ra. Các thành phần kinh tế khác như kinh tế hợp tác xã, kinh tế cá thể - tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân cũng được Nhà nước khuyến khích đẩy mạnh sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Nhờ vậy, sau một số năm phấn đấu để

thích ứng với cơ chế mới, từ 1991 trở đi sản xuất công nghiệp trong nước liên tục đạt tỷ lệ tăng trưởng khá cao: từ 10-14%/năm.

Các ngành dịch vụ trước đây chưa được coi trọng đúng mức, đến đầu những năm 90 đã dần dần được mở mang và phát triển.

Cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch tích cực. Từ năm 1985 đến năm 1999, tỷ trọng của nông - lâm - thủy sản trong GDP đã giảm từ 43% xuống 25,4% trong khi tỷ trọng của công nghiệp và dịch vụ đã tăng tương ứng từ 29,3% lên 34,5% và từ 27,7% lên 40,1%.

Đi đôi với tăng trưởng kinh tế, nạn lạm phát đã được đẩy lùi từ ba con số trong những năm 1986-1988 xuống hai con số trong những năm 1989-1992 và chỉ còn một con số từ năm 1993 đến nay.

Quan hệ kinh tế đối ngoại được mở rộng theo hướng đa dạng hóa, đa phương hóa, từng bước hội nhập với khu vực và quốc tế. Hiện nay, Việt Nam đã có quan hệ thương mại với 154 nước. Kim ngạch xuất khẩu đã tăng từ 723,9 triệu USD năm 1987 lên 11,54 tỷ USD năm 1999. Trong cùng thời gian, kim ngạch nhập khẩu tăng tương ứng từ 2,13 tỷ USD lên 11,62 tỷ USD. Từ chỗ nhập siêu rất lớn, cán cân thương mại đã dần dần tiến tới cân bằng. Tính đến đầu năm 2000 đã có 700 công ty thuộc 66 nước và vùng lãnh thổ đầu tư trực tiếp vào Việt Nam với 2290 dự án và 35,5 tỷ USD vốn đăng ký, trong đó 15,1 tỷ USD đã được thực hiện, góp phần đáng kể vào việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của nước ta.

Tính chung, tốc độ tăng trưởng bình quân năm của tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đã tăng từ 3,9% trong thời kỳ 1986-1990 lên 8,21% trong thời kỳ 1991-1995 và 7,18% trong thời kỳ 1996-1999. Có thể thấy rõ hơn tình hình nói trên qua bảng sau đây:

Nhịp độ tăng trưởng bình quân năm của GDP và của các ngành kinh tế trong các thời kỳ từ 1986-1999.

	1986-1990	1991-1995	1996-1999
GDP	3,9	8,21	7,18
Công nghiệp	5,9	12,83	12,45
Nông nghiệp	3,6	4,41	4,68
Dịch vụ	-	9,04	7,71*

Nguồn: Tổng cục Thống kê. *Số liệu từ 1996-1998

b. Trên lĩnh vực phát triển xã hội

Có mối quan hệ chặt chẽ với đổi mới kinh tế, các lĩnh vực phát triển xã hội cũng đã đạt được những thành tựu đáng kể, thể hiện ở những điểm chủ yếu sau:

- Tính năng động xã hội của các tầng lớp dân cư được phát huy, đời sống của đa số nhân dân được cải thiện một bước.

Trước kia, trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung, mọi người thường chỉ thụ động thi hành mọi quyết định dội từ trên xuống, đồng thời ỷ lại, trông chờ vào sự bao cấp, trợ cấp của Nhà nước và tập thể. Khi chuyển sang cơ chế thị trường, đại đa số các tầng lớp nhân dân thuộc tất cả các thành phần kinh tế đều phải tìm mọi cách khai thác các tiềm năng về vốn, lao động, kỹ thuật, tri thức và kinh nghiệm làm ăn để lo liệu cuộc sống của bản thân và gia đình, đồng thời góp phần xây dựng đất nước. Chính tính năng động xã hội ấy dường như là một "phép lạ" đã có tác dụng nhanh chóng đẩy lùi tình trạng suy thoái, trì trệ trước đây và thổi luồng sinh khí mới làm chuyển biến rõ rệt tình hình sản xuất và đời sống ở cả thành thị và nông thôn. Theo các số liệu điều tra của Tổng cục Thống kê, đã có khoảng 80-85% gia đình tự đánh giá mức sống khá lên so với trước. Thu nhập bình quân đầu người từ khoảng 200 USD năm 1990 tăng lên 375 USD năm 1999.

- Kết quả phát triển kinh tế những năm qua đã cho phép Nhà nước huy động được thêm các nguồn lực để tăng đầu tư cho phát triển xã hội. So với khuyến nghị của Hội nghị thượng đỉnh thế giới về *phát triển xã hội* họp ở Copenhagen (3.1995), mỗi nước nên dành khoảng 20% ngân sách hàng năm cho việc giải quyết những vấn đề xã hội, thì từ 1991 đến nay, trung bình mỗi năm Chính phủ ta đã dành tới 24-25% ngân sách Nhà nước để chi cho các chương trình tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo, dân số - kế hoạch hóa gia đình, phát triển giáo dục và y tế, bảo trợ xã hội, bảo vệ môi trường, phòng chống các tệ nạn xã hội, v.v.

- Đáng chú ý là nhận thức của xã hội về việc làm và giải quyết việc làm đã có sự chuyển biến đáng kể. Không chờ đợi Nhà nước và tập thể, người lao động ngày càng có ý thức chủ động tạo việc làm cho mình và cho người khác. Từ chỗ bao cấp toàn bộ trong giải quyết việc làm, Nhà nước đã dần dần chuyển trọng tâm vào việc xây dựng pháp luật (*Bộ luật lao động*), tạo lập cơ chế chính sách nhằm hướng dẫn và hỗ trợ các thành phần kinh tế phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo thêm nhiều chỗ làm việc mới. Từ 1991 đến nay, trung bình mỗi năm cả nước đã giải quyết cho khoảng 1-1,2 triệu người có công ăn việc làm.

- Chuyển sang nền kinh tế thị trường, đi đôi với khuyến khích làm giàu hợp pháp, Đảng và chính quyền các cấp ngày càng quan tâm đến việc thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo theo tinh thần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "*Làm cho người nghèo thì đủ ăn, người đủ ăn thì khá giàu, người khá giàu thì giàu thêm*"⁴. Nhờ vậy, cùng với số người khá giàu ngày càng tăng lên, tỷ lệ hộ đói nghèo trong cả nước đã giảm từ 30% năm 1992 xuống 13% năm 1999. Theo đánh giá của các cơ quan Liên hợp quốc có mặt ở Hà Nội, thì "*Việt Nam giảm được một nửa tỷ lệ hộ đói nghèo trong thập niên vừa qua là điều gần như chưa có nước nào đạt được*"⁵.

- Ngoài ra, các lĩnh vực phát triển xã hội khác cũng có những tiến bộ đáng ghi nhận. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình được thực hiện tốt đã đưa tỷ lệ tăng dân số từ trên 2% năm 1990 xuống 1,54% năm 1998. Sau một thời gian giảm sút, hệ

⁴ *Hồ Chí Minh toàn tập*. Tập 5. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội-1995. Tr.65.

⁵ Dẫn theo báo *Nhân dân* ngày 16.12.1999.

thống giáo dục từ tiểu học đến đại học đã có bước phát triển mới về quy mô, đa dạng hóa về hình thức đào tạo và đang được tiếp tục đổi mới, chấn chỉnh về mục tiêu, nội dung và phương pháp để nâng cao chất lượng dạy và học. Sự nghiệp y tế đã có những chuyển biến tích cực trong phòng bệnh, chữa bệnh, hạ thấp tỷ lệ tử vong ở bà mẹ và trẻ em sơ sinh, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở các trẻ em dưới 5 tuổi. Thực hiện đạo lý truyền thống của dân tộc, phong trào "đền ơn đáp nghĩa" những người có công, chăm sóc những trẻ em mồ côi, lang thang cơ nhỡ, cứu mang những người tàn tật, nuôi dưỡng những người già cô đơn, giúp đỡ đồng bào ở những vùng bị thiên tai... ngày càng lan rộng trong cả nước.

Tóm lại, sau 10 năm đổi mới, Việt Nam đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và từ năm 1996 đã bước sang giai đoạn phát triển mới - giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm đạt tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

4. Song để biến mục tiêu đó thành hiện thực, Việt Nam còn phải tiếp tục khắc phục nhiều yếu kém và vượt qua nhiều khó khăn, thách thức to lớn.

a. *Về kinh tế*: Nước ta còn nghèo và kém phát triển. Gần 70% lao động xã hội vẫn tập trung trong các ngành nông - lâm - ngư, tạo ra khoảng 1/4 GDP. Công nghiệp còn nhỏ bé, trình độ kỹ thuật và công nghệ nói chung lạc hậu. Các ngành dịch vụ chưa được mở mang theo hướng hiện đại. Kết cấu hạ tầng yếu kém. Năng xuất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh còn thấp. Mấy năm gần đây, do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ trong khu vực và cũng do chúng ta chậm tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, nhịp độ tăng trưởng kinh tế đã giảm sút đáng kể. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài cũng giảm mạnh. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và thế giới vẫn là thách thức lớn nhất đối với nước ta hiện nay.

b. *Về xã hội*: Do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, vấn đề xã hội bức xúc hàng đầu hiện nay là tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm khá cao. Ở thành thị, tỷ lệ lao động thất nghiệp năm 1999 là 7,4%. Ở nông thôn, tỷ lệ thời gian lao động được sử dụng là hơn 71%, nếu quy đổi gần 29% thời gian còn lại thì tương đương 6-7 triệu người không có việc làm.

Trong quá trình chuyển sang áp dụng cơ chế thị trường, sự phân tầng xã hội, phân hóa giàu nghèo cũng diễn ra khá sâu rộng giữa các tầng lớp dân cư. Theo các số liệu của Tổng cục Thống kê, thì hệ số chênh lệch về mức sống giữa nhóm 20% dân cư giàu nhất và nhóm 20% dân cư nghèo nhất đã tăng từ 5,6 lần năm 1992 lên 11,26 lần năm 1998⁶. Hệ số chênh lệch về mức sống trung bình giữa thành thị và nông thôn, giữa miền xuôi và miền núi cũng đang có xu hướng ngày càng doãng ra.

Bên cạnh đó, các vấn đề xã hội nhức nhối khác do mặt trái của kinh tế thị trường để ra, đặc biệt khi vai trò quản lý của Nhà nước còn yếu, khi việc thi hành kỷ cương pháp luật chưa nghiêm, là tệ quan liêu, tham nhũng, buôn lậu, và những tệ nạn xã hội như ma túy, mại dâm... vẫn đang diễn biến phức tạp ở nhiều nơi.

⁶ Tổng cục Thống kê: *Điều tra mức sống dân cư Việt Nam 1997-1998*. Hà Nội-1999. Tr.278.

5. Từ những điều nói trên, một loạt vấn đề lý luận và thực tiễn đang đặt ra đòi hỏi chúng ta phải làm sáng tỏ là: liệu tình trạng thất nghiệp, sự phân hóa giàu nghèo và các tệ nạn xã hội gia tăng có phải là bạn đồng hành không tránh khỏi của quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường hay không? Phải chăng để đạt được sự tăng trưởng kinh tế cao thì tất yếu phải "hy sinh" tiến bộ và công bằng xã hội? Hoặc cần chấp nhận phương án tập trung, đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế trước, đến khi kinh tế phát triển cao rồi thì mới có thể dần dần giảm được bất công xã hội sau, như mô hình "chữ U ngược" mà S.Kuznets đã đề xuất?

Rõ ràng, một khi đã quyết định lựa chọn con đường phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, thì chúng ta không thể chấp nhận các khả năng nêu trên.

Vấn đề đặt ra là làm thế nào để có thể kết hợp được tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội trong suốt quá trình phát triển?

Dưới đây chúng tôi thử nêu lên một số kiến nghị có tính hệ quan điểm như sau:

Một là, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế vẫn là nhiệm vụ hàng đầu. Bởi chỉ có một nền kinh tế năng động và có hiệu quả dựa trên cơ sở khoa học và công nghệ hiện đại, thì mới có khả năng huy động một cách thường xuyên và vững chắc các nguồn lực cho phát triển xã hội. Nhưng chúng ta không quan niệm phát triển xã hội chỉ là kết quả thụ động của tăng trưởng kinh tế, mà tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội có mối quan hệ tác động qua lại chặt chẽ với nhau. Tăng trưởng kinh tế tạo cơ sở và điều kiện thuận lợi cho phát triển xã hội; ngược lại, phát triển xã hội là động lực, là mục tiêu của phát triển kinh tế.

Hai là, tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình thực hiện các kế hoạch phát triển. Chúng ta không chờ đợi đến khi đạt tới trình độ phát triển kinh tế cao rồi mới thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, càng không "hy sinh" tiến bộ và công bằng xã hội để phát triển kinh tế đơn thuần. Do đó, mỗi chính sách kinh tế đều phải nhằm mục tiêu phát triển xã hội; mỗi chính sách xã hội đều bao chứa nội dung kinh tế, dù trực tiếp hay gián tiếp, trước mắt hay lâu dài.

Ba là, trong điều kiện phát triển nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường với định hướng xã hội chủ nghĩa, việc phát triển xã hội trên nguyên tắc tiến bộ và công bằng không chỉ được thực hiện bằng cách điều tiết và phân phối lại thu nhập của các tầng lớp dân cư. Điều quan trọng hơn là phải tạo ra các cơ hội công bằng đảm bảo cho mọi người, nhất là những người yếu thế và dễ bị tổn thương đều được làm chủ một phần tư liệu sản xuất, được hưởng một nền giáo dục cơ bản, được bồi dưỡng về nhân cách, được chăm sóc về y tế, được hướng dẫn và đào tạo về nghề nghiệp, được giúp đỡ lúc gặp khó khăn,... để họ có thể lo liệu và dần dần nâng cao chất lượng cuộc sống bản thân và gia đình, đồng thời góp phần xây dựng đất nước.

Bốn là, phát triển xã hội trên nguyên tắc công bằng không có nghĩa là "cào bằng", là thực hiện chủ nghĩa bình quân, bất chấp chất lượng, hiệu quả và sự đóng góp của mỗi người cho sự phát triển chung của cộng đồng. Hơn nữa, nếu dồn các nguồn lực cho phát triển xã hội vượt quá khả năng mà nền kinh tế cho phép, thì cũng có thể làm mất đi những điều kiện cần thiết để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, khiến cho kinh tế trì trệ hoặc giảm sút và cuối cùng cũng không thực hiện được các mục tiêu phát triển xã hội. Do đó, trong mỗi bước đi, mỗi thời kỳ cụ thể phải xác định đúng mức độ hợp lý giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội sao cho hai mặt này không cản trở hoặc triệt tiêu nhau, mà hỗ trợ nhau cùng tiến bước.

Với những thành tựu quan trọng và những kinh nghiệm quý báu của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước gần 15 năm qua, đặc biệt với tiềm năng trí tuệ và sáng tạo to lớn của con người Việt Nam, chúng ta hoàn toàn có thể tin rằng tương lai phát triển kinh tế - xã hội của nước nhà trong thế kỷ XXI là sáng sủa và Việt Nam có nhiều khả năng cơ bản trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020.